TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Ba.

+ Ông Phạm Đình Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm: 1985. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 23/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Q không quan tâm đến gia đình, vợ con và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữa khác. Hiện nay chị và anh Q không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 12/3/2011 và Nguyễn Châu N, sinh ngày 12/11/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Q vắng mặt nên không thể tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại phiên tòa, anh Q tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V về việc ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Nguyễn Hồng Q tại Thôn T, xã Q huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị V yêu cầu ly hôn với anh Q và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số số 14 ngày 23/02/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Q ngoại tình và không quan tâm gia đình, vợ con nên chị V yêu cầu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2020, Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp: *"địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh* Q*"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị V và anh Q không còn chung sống với nhau. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị V vẫn cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh Q không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 12/3/2011 và Nguyễn Châu N, sinh ngày 12/11/2014. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q thì địa phương không rõ điều kiện nuôi con của chị V và anh Q; hiện nay chị V đang nuôi hai con chung và chị đã dẫn 02 cháu về nhà mẹ ruột tại xã Quế Châu sống được vài tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V trình bày chị làm công nhân may thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi 02 con. Cháu Loan có nguyện vọng ở với mẹ và 02 con hiện nay đang do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với anh Q, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q đều vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con là thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao cháu Loan và cháu Ngọc cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 12/3/2011 và cháu Nguyễn Châu N, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001544 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Q, huyện Quế Sơn (Giấy CNKH số 14 ngày 23/02/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Thể